

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Xoa và bà Đỗ Thị Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 392/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 05a ngày 15/01/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã L, thị xã K, Hải Dương. **Có mặt.**

**- Bị đơn:** Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, Hải Dương. **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Vũ Văn Q** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/5/2022 tại UBND xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Q ở thôn N, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chiến tranh lạnh, quan điểm sống không thống nhất, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, anh Q thích gì làm đấy không bàn bạc gì với chị. Bố mẹ chồng chị đã nhiều lần khuyên can anh Q nhưng anh không thay đổi mà vẫn gây áp lực tâm lý đối với chị. Tháng 10/2024 là mâu thuẫn đỉnh điểm nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh Q. Anh Q đến đón chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý vì chị đã cho cơ hội nhiều lần mà anh Q không thay đổi. Chị đã trao đổi với anh Q về việc ly hôn, anh Q nói không đồng ý ly hôn vì không muốn bỏ vợ. Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu **Vũ Minh A**, sinh ngày 01/11/2022, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 3 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi con chung trưởng thành, chị làm lao động tự do bán hàng ăn buổi chiều, thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng, anh **Q** làm công cho người khác lúc làm nhôm kính, lúc làm hàn xì.

Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, anh **Vũ Văn Q** trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị **H** trình bày là đúng. Trước khi kết hôn với anh, chị **H** kết hôn với người khác nhưng đã ly hôn, chưa có con, anh chưa có gia đình riêng. Sau khi kết hôn anh và chị **H** chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh ở **Thôn N, xã L**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2023, anh chị xây nhà trên đất của vợ nhưng mẹ vợ anh đứng tên đất. Quan điểm của chị **H** là xây nhà nhưng chưa ở mà sẽ lại đi xuất khẩu lao động, nhưng lại thôi. Anh làm cơ khí nhưng có dự định mua xe tải chạy hoặc làm nghề tóc. Nhà vợ chồng anh xây (ở **phường T**), mẹ vợ anh sử dụng bán hàng. Theo anh vợ chồng không có gì mâu thuẫn căng thẳng mà chỉ có những quan điểm khác nhau về cách làm ăn kinh tế, về công việc của vợ và của chồng. Anh muốn sử dụng nhà vợ chồng anh xây để làm hiệu cắt tóc nhưng mẹ vợ anh lại không đồng ý, bà bảo để bà sử dụng vài năm. Vợ anh lại mong muốn sử dụng nhà xây của vợ chồng để bán hàng tạp hóa. Bố mẹ đẻ anh cũng nắm được việc chị **H** muốn ly hôn, có khuyên can vợ chồng nên hòa thuận để nuôi dạy con cái. Anh đã tác động bố đẻ gọi điện cho mẹ vợ anh nói nếu anh có gì sai sót thì bỏ quá, nhưng mẹ vợ anh lại muốn cả gia đình anh xuống xin lỗi vì anh có lần ghi âm lời mẹ anh nói sau khi vợ anh có đơn ly hôn và anh cho các gì bên vợ nghe nên mẹ vợ anh căng thẳng, còn vợ chồng anh không có gì căng thẳng. Anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu **Vũ Minh A**, sinh ngày 01/11/2022. Nếu vợ chồng ly hôn anh và chị **H** ai nuôi con cũng được. Nếu anh nuôi, anh tự nguyện không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng. Anh làm lao động tự do, làm cơ khí ô tô, thu nhập bình quân khoảng 9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

- Tại Biên bản xác minh ngày 12/12/2024, Trưởng thôn **N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương** cung cấp: Anh **Vũ Văn Q** và chị **Đỗ Thị H** là công dân ở địa phương **thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Anh **Q** và chị **H** được đăng ký kết hôn tại **UBND xã L** và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thì vợ chồng hòa thuận với nhau, đến nay chúng tôi mới thấy anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chúng tôi không nắm rõ, chỉ biết hiện anh chị đang có mâu thuẫn và chị **H** đã về nhà bố mẹ đẻ ở **thôn V, L** để ở và không còn ở chung nhà với anh **Q** nữa. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn anh **Q** thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của anh chị. Anh **Q**, chị **H** có 01

con chung là cháu **Vũ Minh A**, sinh ngày 01/11/2022, hiện cháu đang ở cùng với chị **H**.

Tại biên bản hòa giải:

Anh **Vũ Văn Q** không nhất trí ly hôn, mong muốn chị **H** suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Chị **H**, anh **Q** thống nhất, trường hợp vợ chồng ly hôn thì giao cháu **Vũ Minh A** cho chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị **H**, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi cháu **A** trưởng thành, đủ 18 tuổi. Nếu anh **Q** chậm cấp dưỡng thì không phải chịu lãi chậm trả. Anh **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, gặp gỡ con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **Q** không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – chị **H** vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh **Q**, **giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chị chỉ yêu cầu anh Q cấp dưỡng mỗi tháng 2 triệu đồng từ tháng 12/2024 đến khi con trưởng thành**, nếu anh **Q** chậm cấp dưỡng thì không phải chịu lãi chậm trả, anh **Q** tự chịu án phí có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh **Q** vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015

*Về nội dung:* Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị H**, xử cho chị **Đỗ Thị H** ly hôn anh **Vũ Văn Q**.

- *Về con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận của chị **H** và anh **Q**, giao cháu **Vũ Minh A** - sinh ngày 01/11/2022 cho chị **H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị **H**, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2024 đến khi cháu **A** trưởng thành đủ 18 tuổi. Trường hợp anh **Q** chậm cấp dưỡng thì không phải chịu lãi chậm trả. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* **Chị Đỗ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí **sơ thẩm ly hôn**, **anh Q** chịu 300.000 đồng án phí **cấp dưỡng nuôi con**.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn – anh Q có nơi cư trú tại xã L, thị xã K nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị H và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống ly thân với anh Q, bố mẹ anh Q đã khuyên can, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn muốn ly hôn mà không về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị H không chấp nhận. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q. Như vậy, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H, anh Q có 01 con chung là cháu Vũ Minh A, sinh ngày 01/11/2022, hiện đang ở cùng chị H. Theo biên bản hòa giải, Chị H, anh Q thống nhất, trường hợp vợ chồng ly hôn thì giao cháu Vũ Minh A cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị H, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, đang ở cùng chị H, chị H đủ điều kiện, có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, nên cần giao cho chị H nuôi cháu A là phù hợp. Tòa án đã giải thích về mức cấp dưỡng tối thiểu bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu vùng 4.410.000 đồng, nhưng chị H tự nguyện chỉ yêu cầu anh Q cấp dưỡng 2 triệu đồng/tháng, nếu anh Q chậm cấp dưỡng thì không phải chịu lãi chậm trả nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H, buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 110, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Q đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn - chị **H** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và anh **Q** phải chịu án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị **H** có mặt, anh **Q** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố Tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị H**.

1.1. Xử cho chị **Đỗ Thị H** ly hôn anh **Vũ Văn Q**.

1.2. Giao cháu **Vũ Minh A**, sinh ngày 01/11/2022 cho chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị **H**, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2024 đến khi cháu **A** trưởng thành đủ 18 tuổi. Trường hợp anh **Q** chậm cấp dưỡng thì không phải chịu lãi chậm trả.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị **Đỗ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0007041 ngày 28/11/2024, chị **H** đã nộp đủ án phí. Anh **Vũ Văn Q** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **Q** có quyền kháng cáo bản án. Thời hạn kháng cáo bản án của chị **H** là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng cáo bản án của anh **Q** là 15 ngày kể từ ngày anh **Q** nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (số GCNKH 21 ngày 24.5.2022);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**